PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1942/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Các quan điểm phát triển

- Đẩy mạnh phát kinh tế với tốc độ nhanh và bền vững. Phát triển kinh tế đi đôi với tái cơ cấu kinh tế một cách hợp lý để phát huy và khai thác, có hiệu quả các thế mạnh về đất, rừng, tiềm năng thủy điện, khoáng sản Bauxite và các lợi thế về du lịch sinh thái và tăng cường thu hút các nguồn vốn từ bên ngoài.

- Từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng ưu tiên đầu tư theo chiều sâu, phát triển những ngành sản xuất có lợi thế tạo đột phá cho phát triển, đóng góp lớn vào tăng trưởng chung của nền kinh tế.

- Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng. Kết hợp đồng bộ giữa phát triển sản xuất với phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đẩy mạnh phát triển giáo dục, nâng cao mặt bằng dân trí chung và tăng cường đào tạo chuyên môn, kỹ thuật, dạy nghề cho nguồn lao động, nhất là đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân và lao động kỹ thuật đáp ứng được nhu cầu phát triển của tỉnh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Trước mắt là phải ưu tiên hình thành một đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao trong các ngành nông, lâm nghiệp, chế biến công nghiệp và khai khoáng.

- Gắn tăng trưởng kinh tế với đảm bảo công bằng, an sinh xã hội, đoàn kết dân tộc. Quan tâm thỏa đáng về phúc lợi xã hội đối với vùng nông thôn gắn với xóa đói giảm nghèo và hỗ trợ phát triển đối với các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc nhằm tạo việc làm, nâng cao mức sống vật chất và tinh thần cho các tầng lớp dân cư, giảm nghèo và các tệ nạn xã hội. Bảo vệ và phát huy nền văn hóa truyền thống đa dạng của các dân tộc trong tỉnh.

- Gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường. Giữ vững cân bằng sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững. Có định hướng phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai hạn hán, lũ lụt và các dịch bệnh.

- Gắn phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh trên toàn tuyến biên giới quốc gia, giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế Đắk Nông với tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động về chất lượng. Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa, phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa sử dụng kỹ thuật tiên tiến đem lại hiệu quả cao và bền vững; Tập trung phát triển theo chiều sâu các ngành công nghiệp có lợi thế, từng bước ứng dụng công nghệ hiện đại hình thành các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường; Phát triển các loại hình dịch vụ theo hướng tăng cường chất lượng, đảm bảo phục vụ tốt cho thị trường, nhất là các loại hình dịch vụ du lịch mà tỉnh có lợi thế. Phát triển sự nghiệp văn hóa xã hội, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao. Nâng cao chất lượng đời sống nhân dân đi đôi với giảm nghèo, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu kinh tế

+ Tăng trưởng kinh tế:

. Thời kỳ 2011 - 2015, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân khoảng 15,5%/năm, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 25,8%/năm, nông, lâm, ngư nghiệp tăng 5,4%, dịch vụ tăng 18%/năm.

. Thời kỳ 2016 - 2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân khoảng 16 - 17%/năm, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 22 - 23%/năm, nông, lâm ngư nghiệp tăng 4 - 5%/năm, dịch vụ tăng 15 - 16%/năm.

+ Cơ cấu kinh tế:

. Đến năm 2015, tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 39,57%, dịch vụ đạt 26,7%, nông nghiệp giảm xuống còn khoảng 33,73%.

. Đến năm 2020, tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 45,7%, khu vực dịch vụ đạt 37,6%, khu vực nông nghiệp giảm xuống còn khoảng 16,5%.

+ GDP bình quân đầu người: Đến năm 2015 đạt 27 triệu đồng, năm 2020 đạt gần 66 triệu đồng. Rút ngắn dần khoảng cách so với cả nước về GDP/người, từ 66% so cả nước vào năm 2010 lên 76% vào năm 2020.

+ Kim ngạch xuất khẩu: Đến năm 2015 đạt 550 triệu USD tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt 16,17%/năm, năm 2020 đạt khoảng 1.500 triệu USD tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 22,2%/năm.

- Mục tiêu xã hội:

+ Dân số: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,3% giai đoạn 2011 - 2015, và đạt 1,1% giai đoạn 2016 - 2020. Dân số tính đến năm 2015 là 670 ngàn người, năm 2020 là 830 ngàn người. Tỉ lệ đô thị hóa đạt 20% năm 2015 và 30% năm 2020.

+ Nguồn nhân lực: Đào tạo nghề cho khoảng 24 ngàn người giai đoạn 2011 - 2015, giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 16 ngàn người; giải quyết việc làm cho 17 - 18 ngàn lao động/năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 35% năm 2015, 45% năm 2020. Phấn đấu giảm bình quân hàng năm 5 - 7% số hộ nghèo để đến năm 2020 bằng mức bình quân cả nước.

+ Về y tế: Đến năm 2015 giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn 20%; 90% dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh; có 6,2 bác sĩ trên một vạn dân. Đến năm 2020 tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn 10%; trên 95% dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh; có 8,5 bác sĩ trên một vạn dân.

+ Về giáo dục: Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi vào năm 2015; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục phổ thông; mở rộng quy mô giáo dục trung học phổ thông, phấn đấu 70% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ trung học phổ thông và tương đương. Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, đến năm 2020 có 80% giáo viên mầm non, 100% giáo viên tiểu học đạt trình độ cao đẳng trở lên, 100% giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông đạt trình độ đại học trở lên.

+ Về văn hóa: Đến năm 2015 có 85% gia đình; 65% thôn bản; 95% cơ quan, đơn vị và 20% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn văn hoá. Đến năm 2020 có 95% gia đình; 70% thôn, bản; 100% cơ quan, đơn vị và 40% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn văn hóa.

+ Công tác Đảng: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng. Phấn đấu có trên 80% tổ chức cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh và trên 80% các tổ chức chính quyền, mặt trận, đoàn thể đạt tiêu chuẩn vững mạnh.

+ Quốc phòng - An ninh: Hoàn chỉnh hệ thống phòng thủ, tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, đảm bảo trật tự an toàn xã hội và đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa, phòng chống biểu tình, bạo loạn và vượt biên trái phép.

c) Hai lĩnh vực tập trung và ba khâu đột phá

- Các lĩnh vực tập trung phát triển là:

+ Tập trung phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm yêu cầu nhân lực phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, trong đó lao động qua đào tạo đạt 35% vào năm 2015, 45% năm 2020. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh; đồng thời đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ trẻ từ 300 - 500 người sau đại học. Tập trung các nguồn lực xây dựng trường cao đẳng văn hóa cộng đồng, trường chuyên của tỉnh, trường Trung cấp nghề tỉnh Đắk Nông và trung tâm dạy nghề ở một số huyện. Phối hợp liên kết với một số trường đại học có uy tín cao trong nước, mở từ 1 - 2 phân hiệu đại học tại tỉnh. Xây dựng các cơ chế chính sách để khuyến khích thành lập các trung tâm dạy nghề ngoài công lập.

+ Tập trung xây dựng hạ tầng thiết yếu và đô thị hạt nhân, thu hút đầu tư, đặc biệt là giao thông và hạ tầng đô thị lớn: Phối hợp với Trung ương sớm hoàn thành các công trình lớn liên quan đến tỉnh như tuyến Đường sắt Đắk Nông - Bình Thuận phục vụ khai thác bô xít, các tuyến đường đối ngoại (Quốc lộ 14, 14C, 28...). Nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị Gia Nghĩa (mạng lưới giao thông, cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, chất thải rắn...), hạ tầng thiết yếu cho huyện mới Đức Xuyên, thị xã Đức Lập, Kiến Đức,… các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị mới...

- Ba khâu đột phá của tỉnh Đăk Nông:

+ Đột phá về kinh tế trong công nghiệp khai khoáng và năng lượng: Phát triển có chọn lọc công nghiệp chế biến, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp năng lượng, khai khoáng, luyện kim. Ưu tiên phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm có khả năng tham gia mạnh sản xuất vào chuỗi giá trị toàn cầu

thuộc các ngành công nghiệp công nghệ cao... Phát triển mạnh công nghiệp phụ trợ phục vụ cho khai thác bauxite sản xuất alumin - nhôm như: cơ khí chế tạo, cơ khí sửa chữa, bao bì, hóa chất, điện, nước, vận tải, phân bón, vật liệu xây dựng,… Chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và vật liệu mới đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu.

+ Đột phá trong công nghiệp chế biến và nông nghiệp công nghệ cao: Công nghiệp chế biến hướng vào các sản phẩm có lợi thế về nguyên liệu trong tỉnh (cà phê, cao su, hồ tiêu, gỗ, lâm sản...), thu hút phát triển các nhà máy chế biến có công nghệ hiện đại, cho sản phẩm tinh chế phù hợp với quy hoạch ổn định vùng nguyên liệu, đảm bảo sức cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu.

Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại ứng dụng kỹ thuật cao, sản xuất hàng hóa, có khả năng cạnh tranh cao. Đồng thời, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ. Đến năm 2015, cả tỉnh có từ 1 - 2 khu nông nghiệp công nghệ cao tại một số vùng sinh thái nông nghiệp; hình thành vùng chăn nuôi tập trung ứng dụng kỹ thuật cao, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Năm 2020 mỗi huyện, thị xã có từ 1 - 3 khu nông nghiệp công nghệ cao.

+ Đột phá trong dịch vụ và du lịch: Ưu tiên phát triển và hiện đại hóa các loại hình dịch vụ chất lượng cao như: tài chính, ngân hàng, công nghệ - thông tin, viễn thông, bảo hiểm, y tế, tư vấn, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ. Phát huy tối đa tiềm năng và lợi thế của tỉnh, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư phát triển du lịch, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Tập trung vào xây dựng và phát triển một số khu vực trọng điểm du lịch trong tỉnh đó là: Khu du lịch sinh thái - văn hóa - lịch sử Nâm Nung (Đắk Song); Khu du lịch sinh thái - văn hóa - nghỉ dưỡng Tà Đùng (Đắk Glong). Điểm du lịch sinh thái văn hóa Liêng Nung (Gia Nghĩa); điểm du lịch sinh thái văn hóa - lịch sử hồ Ea Snô (Krông Nô). Mở các tuyến điểm du lịch mới, các tour du lịch trong Vùng Tây Nguyên, vùng lân cận và phát triển tuyến du lịch PhnomPênh - Đắk Nông - Tp. Hồ Chí Minh.

II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

1. Ngành nông, lâm, thủy sản

a) Nông nghiệp:

- Phát huy tiềm năng, thế mạnh đất đai và các điều kiện tự nhiên nhằm đẩy mạnh phát triển một nền nông nghiệp hàng hóa, xuất khẩu, gắn sản xuất nông, lâm nghiệp với công nghiệp chế biến.

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, thâm canh tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Tập trung phát triển các cây trồng chịu được hạn, ít lệ thuộc vào nước. Quy hoạch vùng sản xuất

chuyên canh tập trung các loại cây công nghiệp: Cà phê, hồ tiêu, điều, cao su, ca cao, bông, mía, sắn, đậu nành, dâu tằm v.v. nhằm tạo khối lượng lớn hàng hóa xuất khẩu và đảm bảo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

- Đẩy mạnh chăn nuôi đại gia súc, lợn, gia cầm và nuôi trồng thủy sản. Hình thành tập quán chăn nuôi theo chuồng trại, từng bước phát triển chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, tập trung theo trang trại.

- Tăng cường ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học, cải tạo giống cây trồng vật nuôi nhằm tăng năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Tăng cường công tác khuyến nông, hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật canh tác, chăn nuôi để người dân lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện đất đai thổ nhưỡng, khả năng đầu tư và trình độ canh tác của mình.

- Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng khu vực nông thôn theo chương trình nông thôn mới, mở rộng các loại hình dịch vụ, phát triển các ngành nghề thủ công nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, chuyển dịch lao động nông nghiệp, xóa đói giảm nghèo.

- Khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, kinh tế vườn đồi, vườn rừng, nông lâm kết hợp nhằm huy động mọi nguồn lực vào phát triển sản xuất.

- Mục tiêu chung ngành nông nghiệp:

+ Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp thời kỳ 2011 - 2015 bình quân 7,5%/năm, trong đó trồng trọt tăng 7%/năm, chăn nuôi tăng 11,5%/năm, khâu dịch vụ tăng 21%/năm. Thời kỳ 2016 - 2020 nhịp độ tăng chung đạt 6,8%/năm, trong đó các ngành tăng tương ứng là 6%, 12% và 19%.

+ Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp: Trồng trọt giảm xuống còn 89,57%, chăn nuôi tăng lên chiếm 8,12%, dịch vụ chiếm 2,31% vào năm 2015. Đến năm 2020 các ngành chiếm tỉ lệ tương ứng là 86,2%, 10,3% , 3,5%.

+ Hình thành một số khu nông nghiệp chất lượng cao đạt 1.000 ha năm 2015, đạt trên 5.000 ha năm 2020. Giá trị sản phẩm trung bình/ha năm 2015 đạt 100 triệu, năm 2020 đạt 200 triệu.

+ Tăng dần hệ số sử dụng đất và đạt 2 lần trở lên vào năm 2020, tăng nhanh khối lượng và chất lượng nông sản hàng hoá. Đến năm 2020 giá trị sản xuất/ha đất canh tác gấp 1,5 lần trở lên so với năm 2010.

+ Đóng góp của ngành trong tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh khoảng 20% (2015) và 12% (2020). Các chỉ tiêu kinh tế cơ bản bằng các tỉnh trong khu vực trong vài năm tới.

+ Tỷ lệ giá trị hàng nông sản xuất khẩu đạt 20% vào năm 2015 và đạt khoảng 35% vào năm 2020.

+ Số lao động qua đào tạo tại khu vực nông nghiệp đạt tỷ lệ 35% năm 2015, đạt trên 50% năm 2020.

+ Đến năm 2015 thu nhập từ ngành nghề nông thôn và dịch vụ chiếm từ 15 - 20% tổng thu nhập của cư dân nông thôn, đưa thu nhập kinh tế hộ gấp 1,8 - 2 lần hiện nay, sản lượng lương thực có hạt đạt 360.000 tấn, bình quân đầu người 537kg. Đến năm 2020, thu từ ngành nghề, dịch vụ chiếm 30% trở lên trong thu nhập của cư dân nông thôn, sản lượng lương thực 370.000 tấn, bình quân đầu người trên 500kg đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ.

* Trồng trọt:

- Phát triển ngành trồng trọt theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm. Quy hoạch phát triển theo hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất, tăng diện tích chủ động tưới đến năm 2015 đạt trên 70% và năm 2020 đạt trên 90% diện tích có nhu cầu cần tưới.

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu về giống, quy trình kỹ thuật đối với các loại cây trồng có lợi thế của tỉnh, song song với đó là triển khai các mô hình trồng trọt tiên tiến cho giá trị kinh tế cao trên mỗi đơn vị diện tích, bền vững về môi trường, từng bước nhân rộng mô hình trên các địa bàn có điều kiện thích hợp.

- Xây dựng thương hiệu các sản phẩm trồng trọt của Đắk Nông, tạo chỗ đứng trên thị trường, đặc biệt là thị trường tiêu thụ ở các tỉnh, thành phố lớn trong cả nước.

- Phát triển trồng trọt theo hướng áp dụng công nghệ cao:

+ Giai đoạn 2011 - 2015: Tập trung vào các nhóm cây trồng, nhóm sản phẩm đã được khẳng định như: Sản xuất chanh dây (tại các huyện Đắk Rlấp, Tuy Đức, Đắk Song, ĐắK GLong), chanh không hạt (Đắk R'Lấp, Tuy Đức), rau an toàn và hoa cao cấp trong nhà kính, nhà lưới, tưới tiết kiệm (thị xã Gia Nghĩa, Đăk Mil, Cư Jút, Krông Nô, Đắk Glong); khoai tây Atlantic (Đắk Song, Tuy Đức, Đắk Mil); khoai lang Nhật (Đắk Song, Tuy Đức). Xây dựng mô hình trồng xen canh ca cao trong vườn điều (Đắk R'lấp), cây cọ dầu (Đắk GLong), cây mắc ca (huyện Đắk Mil, Đắk Glong, Tuy Đức, Krông Nô), cây măng tây xanh (Tuy Đức), lúa chất lượng cao (Krông Nô), cây ăn quả (Gia Nghĩa, Đắk Mil, Đắk Glong).

Trước mắt cần tập trung xây dựng trung tâm sản xuất giống cây trồng chất lượng cao tại các huyện Cư Jút (giống cây công nghiệp đậu đỗ, bông) huyện Krông Nô (giống cây thực phẩm lúa, ngô, rau).

Thực hiện sản xuất cà phê theo quy trình UTZ (cà phê bền vững, đảm bảo thân thiện với môi trường, tăng giá trị sản xuất); đầu tư sản xuất chè chất lượng cao tại Tuy Đức; phát triển ca cao, hồ tiêu theo hướng bền vững.

+ Giai đoạn 2016 - 2020: Tiếp tục đưa các loại cây trồng cho hiệu quả kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ vào sản xuất theo các mô hình trồng trọt công nghệ cao. Đánh giá hiệu quả và nhân rộng mô hình trên các địa bàn có điều kiện phù hợp trong tỉnh.

* Chăn nuôi: Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, vừa tăng quy mô đàn, vừa đầu tư chiều sâu: lai tạo giống, áp dụng kỹ thuật chăm sóc tiên tiến nhằm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Đưa tỷ trọng ngành chăn nuôi trong nông nghiệp lên 8 - 9% vào năm 2015 và tăng lên 10 - 11% năm 2020.

* Dịch vụ nông nghiệp: Tốc độ tăng của ngành dịch vụ nông nghiệp đạt 17 - 18%/năm giai đoạn 2011 - 2015, 16 - 17%/năm giai đoạn 2016 - 2020.

Xây dựng mạng lưới các điểm cung cấp vật tư, kỹ thuật đến các vùng sản xuất nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời các loại vật tư có chất lượng cao trên các lĩnh vực giống cây trồng, giống vật nuôi, các loại phân bón, thuốc phòng trừ dịch bệnh... dưới sự kiểm tra giám sát quản lý chặt chẽ của các cơ quan chuyên môn.

Khai thác tốt hệ thống hạ tầng thủy nông đảm bảo các dịch vụ tưới tiêu cho các doanh nghiệp, hộ gia đình.

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào các hoạt động dịch vụ nông nghiệp như chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp, tư vấn các mô hình phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao...

b) Phát triển thủy sản, lâm nghiệp

* Thủy sản: Tiếp tục đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản nước ngọt. Cùng với chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong nông nghiệp, cần khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cải tạo ao hồ, diện tích mặt nước sông suối, hồ thủy điện chưa sử dụng để nuôi trồng thủy sản.

* Lâm nghiệp:

- Bảo vệ và phát triển tốt diện tích rừng hiện có, đặc biệt là các vùng rừng sản xuất, khu bảo tồn thiên nhiên, các khu rừng phòng hộ xung yếu.

- Đẩy mạnh trồng rừng nguyên liệu, rừng phòng hộ nhằm phát triển vốn rừng, phủ xanh đất trống, tăng tỷ lệ che phủ toàn tỉnh.

- Khai thác hợp lý tài nguyên rừng đảm bảo tái sinh rừng, hạn chế khai thác gỗ rừng tự nhiên, đẩy mạnh khai thác rừng trồng, rừng nguyên liệu.

- Tiếp tục đẩy mạnh giao đất khoán rừng, xã hội hóa nghề rừng, làm rõ và phát huy vai trò của các chủ rừng, đảm bảo trên từng mảnh rừng đều có chủ thực sự.

2. Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, tập trung vào các ngành chế biến nông, lâm sản, thủy điện, khai thác và chế biến bauxite và vật liệu xây dựng trên cơ sở sử dụng nguồn nguyên liệu và tài nguyên thiên nhiên tại chỗ, tạo thêm nhiều việc làm cho nguồn lao động.

- Có cơ chế, chính sách mở, thông thoáng nhằm huy động các nguồn lực trong nước và nước ngoài, các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp theo quy hoạch phát triển công nghiệp của địa phương.

- Tiếp tục đầu tư hạ tầng và xúc tiến, vận động doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh vào các khu công nghiệp: Tâm Thắng, Nhân Cơ và các cụm công nghiệp: Đắk Ha, Thuận An. Thu hút đầu tư kinh doanh hạ tầng các cụm công nghiệp đã được quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng trong thu hút đầu tư.

- Chú trọng tập trung đầu tư chiều sâu, nâng cao trình độ công nghệ, mở rộng quan hệ hợp tác với các tỉnh trong cả nước và với nước ngoài để huy động vốn, công nghệ tiên tiến nhằm sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

- Khuyến khích phát triển công nghiệp vừa và nhỏ, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, hình thành các làng nghề truyền thống ở nông thôn nhằm tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.

- Phát triển công nghiệp kết hợp chặt chẽ với các yếu tố kinh tế - xã hội, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, vệ sinh môi trường sống, giữ cân bằng sinh thái bền vững.

- Triển khai thực hiện dự án đầu tư khai thác bauxite luyện alumin để tạo ra bước đột phá trong phát triển công nghiệp, kinh tế - xã hội tỉnh, làm thay đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp để đến năm 2020 đạt cơ cấu: công nghiệp - dịch vụ - nông lâm nghiệp.

- Phấn đấu đến năm 2015 đưa giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tỉnh đạt 5.067 tỷ đồng, tăng bình quân 24,23%/năm thời kỳ 2011 - 2015, đến năm 2020 đạt 11.490 tỷ đồng, tăng bình quân khoảng 20,9%/năm thời kỳ 2011 - 2020.

- Định hướng phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu:

+ Công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm: Hướng vào chế biến các sản phẩm có lợi thế về nguyên liệu trong tỉnh đó là: chế biến cà phê, cao su, mía đường, điều, ca cao, hồ tiêu, dầu thực vật, bông, sợi, tơ tằm, tinh bột, xay xát lương thực, chế biến thực phẩm, chế biến thức ăn gia súc, gỗ và lâm sản.

+ Thủy điện: Phát triển thủy điện song hành với các chính sách bảo vệ môi trường. Đầu tư trồng rừng sinh thủy đảm bảo vận hành ổn định các nhà máy thủy điện ĐrayH'Linh II 16MW ở Cư Jút, thủy điện Đắk R'Tih 141MW, thủy điện Sêrêpok 3 có công suất phát điện 220MW, sản lượng điện thương phẩm đạt khoảng 1.200 triệu Kwh.

Thu hút đầu tư xây dựng dự án thủy điện vừa và nhỏ như: thủy điện Đắk Nông II có công suất 4 - 7MW, Đắk Rung I: 8MW, Đắk R'Keh I: 11,5MW, Đắk R'Keh II: 10 - 11MW, Đắk R'Keh III: 10 - 11MW, Đắk N'Teng 13MW,

Đắk So 5MW, Đắk Kar với tổng công suất 79MW, Đắk Ru, Đắk Rlấp, Quảng Tín. Khi các dự án thủy điện đi vào hoạt động sẽ góp phần đáng kể vào nguồn điện quốc gia.

+ Công nghiệp khai thác khoáng sản: Tập trung đầu tư xây dựng và sớm đưa vào vận hành nhà máy Alumin tại Nhân Cơ. Trên cơ sở đánh giá hiệu quả kinh tế, môi trường của dự án để triển khai quy hoạch tổng thể khai thác, chế biến quặng trên địa bàn phù hợp với định hướng chung của cả nước.

+ Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: Đẩy mạnh phát triển công nghiệp vật liệu không nung sản xuất từ đá xay. Phát triển các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng không nung với quy mô phù hợp với từng vùng, từng khu vực. Khuyến khích các công trình sử dụng vật liệu không nung.

+ Ngoài ra tập trung phát triển công nghiệp sửa chữa cơ khí, điện tử, điện dân dụng; tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nông thôn.

Xây dựng hạ tầng và tiếp tục lấp đầy 02 khu công nghiệp tập trung Tâm Thắng, Nhân Cơ và một số cụm công nghiệp như cụm công nghiệp Đắk Ha, Thuận An, Quảng Tâm, Krông Nô, Đắk Song. Quy hoạch khu công nghiệp Quảng Đức, cụm công nghiệp Đắk R'La, Trúc Sơn, Quảng Khê.

3. Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

Đến năm 2015 tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn đạt khoảng 550 triệu USD, đến năm 2020 kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 1.500 triệu USD. Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tỉnh tăng bình quân 16,17%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020 là 22,2%/năm.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội đạt 18.405 tỷ đồng vào năm 2015, tăng bình quân 26,8%/năm giai đoạn 2011 - 2015; đạt 43.400 tỷ đồng vào năm 2020, tốc độ tăng bình quân cả giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 18,72%/năm.

Giá trị tăng thêm ngành thương mại - dịch vụ chiếm 26,31% năm 2015, chiếm tỷ trọng 26,4% năm 2020.

- Thương mại: Phát triển hệ thống chợ và hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, hạ tầng thương mại cửa khẩu.

- Dịch vụ: Phát triển và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ nhằm hỗ trợ đắc lực cho thúc đẩy phát triển sản xuất và nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư. Chú ý hơn nữa các loại hình dịch vụ thông tin tới nông thôn vùng xa xôi hẻo lánh, phát triển các dịch vụ thông tin khoa học - kỹ thuật nông, lâm, ngư nghiệp

Đẩy mạnh các loại hình dịch vụ chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, khuyến nông, khuyến lâm, lai tạo giống, cơ giới hóa nông nghiệp v.v. phục vụ phát triển nông, lâm nghiệp.

Phát triển các loại hình dịch vụ văn hóa, du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng. Mở rộng mạng lưới dịch vụ ở khu vực nông thôn nhằm giải quyết thêm việc làm cho lao động nông nhàn.

- Du lịch: Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành du lịch giai đoạn 2011 - 2020 là 15 - 20%/năm. Đến 2020 đạt khoảng 600 - 650 ngàn lượt khách, trong đó có 40 ngàn lượt khách quốc tế. Phát triển các sản phẩm du lịch gắn với các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc giàu tính nhân văn, độc đáo, đồng thời khai thác được lợi thế về cảnh quan thiên nhiên. Tập trung phát triển các sản phẩm du lịch theo hai loại hình chính là du lịch sinh thái và du lịch văn hóa. Trong đó phải ưu tiên hình thành các sản phẩm du lịch có tính độc đáo, khác biệt so với các khu vực trong vùng Tây Nguyên và phụ cận. Gắn kết chặt chẽ du lịch tỉnh Đắk Nông với du lịch các tỉnh trong Vùng Tây Nguyên và vùng lân cận trong "Con đường xanh Tây Nguyên và chiến lược tăng tốc phát triển du lịch Tây Nguyên".

4. Phương hướng phát triển các lĩnh vực xã hội

a) Dân số, lao động, việc làm

- Dân số: Dự báo dân số cơ học tăng bình quân khoảng 3,5% thời kỳ 2011 - 2015 và giảm dần đến năm 2020 chỉ tăng khoảng 1,4%/năm. Như vậy quy mô dân số của tỉnh năm 2015 là 670 nghìn người và năm 2020 là 830 nghìn người. Tỷ lệ đô thị hóa năm 2015 là 20% và năm 2020 là 30%.

- Lao động: Đến năm 2015 có 327,4 nghìn người, năm 2020 có 386,9 nghìn người trong độ tuổi lao động. Trong đó số lao động cần bố trí việc làm năm 2015 là 347 nghìn người, năm 2020 khoảng 413 nghìn người, bình quân mỗi năm cần tạo thêm việc làm mới cho khoảng 12.000 - 13.000 lao động.

Tỷ trọng lao động công nghiệp - xây dựng là 12,6% năm 2015 và lên 21,2% năm 2020, lao động nông, lâm nghiệp là 64,3% năm 2015 và còn 54,1% năm 2020, lao động khu vực dịch vụ là 23,1% năm 2015 và tăng lên 24,7% năm 2020.

b) Giáo dục - Đào tạo

- Giáo dục: Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi vào năm 2015; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục phổ thông; mở rộng quy mô giáo dục trung học phổ thông, phấn đấu 70% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ trung học phổ thông và tương đương. Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật để các trường học có đủ phòng học và các phòng chức năng thực hiện giáo dục toàn diện, phấn đấu 80% cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia, 100% trường phổ thông được nối mạng internet và có thư viện. Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, đến năm 2020 có 80% giáo viên mầm non, 100% giáo viên tiểu học đạt trình độ cao đẳng trở lên, 100% giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông đạt trình độ đại học trở lên.

- Công tác đào tạo: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là việc làm cấp bách trước mắt cũng như lâu dài. Tập trung đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật, lao động ngành nghề đáp ứng nhu cầu tuyển dụng cho các doanh nghiệp ở các khu

cụm công nghiệp, phát triển tiểu thủ công nghiệp - ngành nghề, dịch vụ - du lịch và hướng nghiệp, dạy nghề trong nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2015, đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 35%, trong đó đào tạo nghề là 30% và năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 45% trong đó đào tạo nghề đạt 40%.

c) Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số

Thực hiện tốt các chương trình quốc gia về phát triển dân số và kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ sinh tự nhiên xuống còn 1,3%/ năm giai đoạn 2011 - 2015 và 1,1%/năm giai đoạn 2016 - 2020. Phấn đấu đến năm 2020 đạt tuổi thọ trung bình 75 tuổi, chiều cao trung bình của thanh niên lên 1,66m (đối với nam), 1,55m (đối với nữ).

Đến năm 2015, số bác sĩ đạt 6,2 người/1 vạn dân, số giường bệnh đạt 23 giường/1 vạn dân; năm 2020 nâng lên số bác sĩ đạt 8,5 người/1 vạn dân, số giường bệnh đạt 25 giường/1 vạn dân. Tiêm chủng mở rộng đạt 90% vào năm 2015, trên 95% năm 2020. Giảm tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống dưới 10% vào năm 2020. Triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, giảm tỷ lệ mắc và chết do sốt rét hàng năm; 100% hộ gia đình sử dụng muối i ốt đúng tiêu chuẩn phòng bệnh. Tập trung truyền thông, giám sát trọng điểm HIV/AIDS, 100% cơ sở y tế thực hiện tốt quy trình phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS. Đến năm 2015 có 90% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế và đến năm 2020 đạt 100% số xã.

Giai đoạn từ nay đến năm 2015: Tiếp tục đầu tư nâng cấp hoàn thiện bệnh viện đa khoa tỉnh giai đoạn II đạt quy mô 500 giường với trang bị các máy móc thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trong tỉnh. Đến năm 2020 hệ thống hạ tầng y tế về cơ bản đáp ứng được nhu cầu trong tỉnh, chất lượng các hoạt động y tế cộng đồng luôn được duy trì tốt.

d) Văn hóa, thông tin tuyên truyền, thể dục thể thao

- Văn hóa

Củng cố, xây dựng, hoàn chỉnh từng bước các thiết chế văn hóa từ tỉnh đến huyện, xã, thôn, bon. Khai thác, phát huy tác dụng các thiết chế này nhằm phục vụ đời sống văn hóa của nhân dân. Từng bước củng cố tổ chức bộ máy ngành văn hóa thông tin. Nâng cao chất lượng cán bộ văn hóa theo hướng chuyên nghiệp. Chú trọng bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa và truyền thống của các dân tộc Tây Nguyên. Giữ gìn và phát huy bản sắc riêng của từng dân tộc trên cơ sở tôn trọng tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán, lễ hội truyền thống lành mạnh, tốt đẹp, xây dựng nền văn hóa đa dạng phong phú.

Phấn đấu đến năm 2015, tất cả các xã có bưu điện văn hóa xã, đội văn nghệ, sân bóng đá, bóng chuyền; 70% xã có nhà văn hóa. Các xã vùng 3, xã biên giới có đội thông tin lưu động.

Tích cực mở rộng giao lưu văn hóa giữa các dân tộc thông qua các hình thức hội diễn, lễ hội, triển lãm, ngày văn hóa - thể thao nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, học hỏi kinh nghiệm lao động sản xuất, tăng cường sự đoàn kết giữa các dân tộc, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân trong toàn tỉnh. Đổi mới các hoạt động văn hóa, văn nghệ theo hướng xã hội hóa. Đưa phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao về các xã vùng sâu vùng xa nhằm giúp đồng bào tiếp cận được với những thông tin kinh tế, hiểu biết thêm về đời sống xã hội, cách làm ăn và nâng cao cuộc sống tinh thần của nhân dân.

Đẩy mạnh phong trào toàn dân xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, xây dựng làng văn hóa. Tích cực phòng ngừa, bài trừ các loại hình văn hóa độc hại. Phòng chống và ngăn chặn kịp thời các tệ nạn xã hội.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hóa thông tin, đặc biệt đối với các loại hình dịch vụ văn hóa. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa từ tỉnh đến cơ sở, nâng cao năng lực, trình độ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Công tác thông tin - tuyên truyền

Phát triển mạng lưới thông tin, phát thanh, truyền hình, báo chí đến các xã, thị trấn, buôn làng. Tăng cường đầu tư hạ tầng cho ngành văn hóa thông tin, các đài phát thanh và truyền hình của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2015 có 100% số xã được phủ sóng truyền hình.

- Thể dục thể thao

Xây dựng và phát triển phong trào thể dục thể thao đến tận cơ sở. Đẩy mạnh phong trào thể dục - thể thao quần chúng, rèn luyện nâng cao thể chất và sức khỏe. Tiến hành quy hoạch và xây dựng các điểm sinh hoạt văn hoá, thể thao, sân vận động trên các địa bàn. Xây dựng trung tâm thể thao tỉnh tại Gia Nghĩa. Từng bước đầu tư xây dựng nhà thi đấu thể thao trung tâm các huyện.

đ) Công tác tôn giáo và dân tộc

- Công tác tôn giáo

Tăng cường quản lý Nhà nước về công tác tôn giáo theo đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước. Kiên quyết đấu tranh, xử lý các hoạt động trái phép của các tôn giáo, vận động quần chúng đấu tranh với bọn phản động đội lốt tôn giáo. Xử lý nghiêm minh các hoạt động vi phạm pháp luật, lợi dụng tôn giáo để kích động quần chúng giáo dân, tín đồ hoạt động chống phá chế độ ta.

- Công tác dân tộc

Nâng cao dân trí và đời sống kinh tế, đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số. Từng bước đầu tư và thực hiện phủ sóng phát thanh - truyền hình bằng tiếng M'Nông. Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc tại chỗ có khả năng đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ hoạt động văn hóa thông tin của địa phương

e) Vấn đề xóa đói giảm nghèo

Tiếp tục thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo. Nâng dần mức sống của các hộ đã thoát đói nghèo, chống tái nghèo. Phấn đấu giảm bình quân hàng năm 5 - 7% số hộ nghèo. Đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo bằng mức bình quân của cả nước.

g) Quy hoạch dân cư nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới

Đến năm 2015, toàn tỉnh có 20% số xã (12 xã), đến năm 2020 có 50% số xã (30 xã) đạt chuẩn nông thôn mới. Đến năm 2015, cơ bản hoàn thành công tác sắp xếp và bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, giải quyết việc làm, cải thiện cuộc sống vật chất, văn hóa tinh thần cho dân cư nông thôn và đảm bảo an ninh nông thôn.

Tiếp tục xây dựng các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu kinh tế mới đã hình thành như khu kinh tế mới Đắk Sin, (Đắk R'Lấp), Đức An - Thuận Hạnh (Đắk Song), Đắk Rồ, Đức Xuyên, Quảng Phú (Krông Nô).

Tiếp tục thực hiện chương trình điện, đường, trường trạm, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Nâng cấp các công trình hạ tầng đã xuống cấp và các công trình phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa hoàn thành các công trình theo kế hoạch đặc biệt là các công trình trọng điểm.

5. Quốc phòng an ninh

Tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Tăng cường xây dựng các đồn biên phòng, củng cố và xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng công an xã và các tổ an ninh nhân dân ở cơ sở. Tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, đấu tranh với mọi thủ đoạn chia rẽ dân tộc, đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc.

Thường xuyên đấu tranh chống các loại tội phạm, nhất là buôn lậu, tội tham nhũng; phòng, chống ma tuý và ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Chú trọng công tác phòng chống bão lụt, cứu hộ giúp nhân dân phòng chống và khắc phục thiên tai.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; có kỷ luật nghiêm, được huấn luyện theo hướng chính quy, hiện đại, sẵn sàng chiến đấu, hoàn thành mọi nhiệm vụ trong bất kỳ tình huống nào. Tạo sự phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng vũ trang, các ngành khối nội chính trong công tác an ninh - quốc phòng, tạo sự ổn định về chính trị, trật tự an toàn xã hội, nền tảng cho sự nghiệp phát triển kinh tế.

6. Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng

a) Mạng lưới giao thông

Giao thông vận tải là một bộ phận quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, cần ưu tiên đầu tư phát triển đi trước một bước với tốc độ nhanh, bền vững

nhằm tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Hệ thống đường đối ngoại (Quốc lộ 14,14C, 28): Xây dựng cải tạo nâng cấp Quốc lộ 14 quy mô 4 - 6 làn xe đoạn qua tỉnh Đắk Nông; xây dựng hoàn thành Quốc lộ 14C giai đoạn 2 (làm mặt đường nhựa); mở rộng Quốc lộ 28 đoạn qua thị trấn, thị tứ và hoàn thành xây dựng đoạn tránh ngập thủy điện Đồng Nai 3,4; hoàn thành dự án nối Quốc lộ 14 tại thị trấn Kiến Đức đến cửa khẩu Bu Prăng và nối vào Quốc lộ 76 của Campuchia. Đến hết năm 2015 nhựa hóa đạt 100%.

- Hệ thống tỉnh lộ: Nhựa hóa các đoạn tỉnh lộ hiện có là đường đất, nâng cấp một số đoạn tỉnh lộ có ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội; Xây dựng mới 02 tuyến đường tỉnh, trục ngang số 3 (Đắk Song - Đắk Nang), trục ngang số 5 (Đạo Nghĩa - Quảng Khê); chuyển Quốc lộ 14C đoạn từ Km 115 đến Km139, dài 24km thành Tỉnh lộ, đoạn từ Km139 đến cửa khẩu Bu Prăng dài 29km thành Tỉnh lộ 1 nối dài; Nâng tổng số đường tỉnh sau năm 2015 lên 506 km và nhựa hóa 100%.

- Hệ thống đường huyện: Tổng chiều dài 497km, phấn đấu đến năm 2015 xây dựng hoàn chỉnh các tuyến đường huyện theo đúng cấp kỹ thuật và tỷ lệ nhựa hóa là 80%.

- Đường xã, thôn, buôn, bon: Tổng chiều dài 2.173km. Đến năm 2015 nhựa hóa 45%, 100% các buôn, bon có 1 - 2 km đường nhựa.

- Hệ thống đường đô thị: Xây dựng hoàn thành đường tránh đô thị Gia Nghĩa, các trục chính các liên khu vực và một số tuyến đường khu vực quan trọng của tất cả các đô thị. Trong đó ưu tiên cho thị xã Gia Nghĩa và thị trấn Đắk Mil.

- Hệ thống đường chuyên dùng: Xây đựng đường biên giới và đường vận hành khai thác khoáng sản.

- Các dự án nâng cấp mở mới: Xây dựng mở mới các dự án đường Đắk Song - Đắk Nang, đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê, đường tránh đô thị Gia Nghĩa, nâng cấp cải tạo đường từ Kiến Đức ra cửa khẩu Bu Prăng.

- Vận tải, bến bãi đậu xe:

+ Bến, bãi đậu xe: Xây dựng bến xe liên tỉnh đạt tiêu chuẩn loại II trở lên tại thị xã Gia Nghĩa; nâng cấp bến xe các huyện đạt tiêu chuẩn loại IV; Xây dựng mới thêm 01 bến xe tại thị trấn Đắk R'lấp, 01 bến xe tại Krông Nô, 01 bến tại Đắk Mil phục vụ chia tách huyện, xây dựng tại trung tâm mỗi huyện 1 - 2 bãi đậu xe, thị xã Gia Nghĩa từ 2 - 3 bãi đậu xe.

+ Mở rộng luồng tuyến vận tải đến tất cả các tỉnh, thành trong cả nước, đến tất các trung tâm dân cư trong tỉnh; ưu tiên phát triển hình thức vận tải khách công cộng bằng xe buýt; phát triển phương tiện phù hợp với điều kiện, địa hình của địa phương nhưng phải đảm bảo theo hướng hiện đại, hạn chế ô nhiễm môi trường và tiết kiệm nhiên liệu.

- Đường sắt: Khi có điều kiện thích hợp xem xét triển khai xây dựng tuyến đường sắt nối Gia Nghĩa - Quảng Khê - Lâm Đồng với cảng Kê Gà (tỉnh Bình Thuận)

- Sân bay: Đưa sân bay Nhân Cơ vào danh mục quy hoạch xây dựng sân bay Quốc gia.

b) Cấp điện

Tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới điện trên toàn tỉnh, đặc biệt là đến các vùng nông thôn. Đến năm 2015 duy trì tất cả các thôn, buôn có điện lưới quốc gia, 95% số hộ dùng điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt, năm 2020 100% số hộ được sử dụng điện. Đầu tư xây dựng các trạm biến áp trung gian ở các huyện. Phấn đấu đạt mục tiêu điện khí hóa nông thôn trên toàn tỉnh.

c) Thủy lợi

Dự kiến xây dựng mới 150 - 165 công trình trọng điểm, chủ yếu quy mô vừa và nhỏ gồm 150 hồ chứa, 10 đập dâng và 4 trạm bơm. Tiếp tục tập trung hoàn thiện các công trình dở dang, các công trình phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Tu bổ và nâng cấp các công trình đã sử dụng lâu năm, xuống cấp. Đầu tư khai thác theo chiều sâu kết hợp bảo vệ nguồn lợi từ hệ thống sông Sê Rê Pôk và sông Đồng Nai.

d) Cấp nước

Tiếp tục thực hiện theo Chương trình quốc gia về nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn. Phấn đấu đến năm 2015 đảm bảo 100% dân số được dùng nước sạch hợp vệ sinh.

7. Định hướng phát triển theo không gian lãnh thổ

a) Định hướng phát triển theo tiểu vùng

- Tiểu vùng phía Bắc: Bao gồm thị xã Đức Lập, huyện Đắk Mil, Đức Xuyên, Cư Jút và Krông Nô có diện tích tự nhiên 2.215km^2. Đây là vùng có tiềm năng trồng lúa nước, phát triển cây lương thực, cây công nghiệp ngắn và dài ngày; Khu công nghiệp Tâm Thắng là địa bàn tập trung thu hút đầu tư phát triển mạnh công nghiệp; có các công trình thủy điện Đức Xuyên, vùng lòng hồ Thủy điện Buôn Kốp; có Khu kinh tế cửa khẩu Đắk Per, có nhiều điểm du lịch hấp dẫn thuận lợi cho việc mở rộng thương mại và phát triển du lịch, dịch vụ.

- Tiểu vùng trung tâm: Bao gồm thị xã Gia Nghĩa, huyện Đắk GLong và huyện Đắk Song có diện tích tự nhiên 2.541km^2. Đây là tiểu vùng có tiềm năng, thế mạnh phát triển công nghiệp, là các địa bàn có khả năng thu hút nhiều dự án phát triển công nghiệp từ các tỉnh miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là từ thành phố Hồ Chí Minh; có nhiều tiềm năng thủy điện khai thác bôxít, khoáng sản quý hiếm, thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Đắk Ha; có tiềm năng đất đai trồng cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su, điều, tiêu, chăn nuôi đại gia súc và trồng rừng nguyên liệu.

- Tiểu vùng phía Tây Nam: Bao gồm thị xã Kiến Đức và các huyện Đắk R'Lấp, Tuy Đức có diện tích tự nhiên 1.757km^2. Đây là địa bàn có mật độ dân cư thưa thớt. Kinh tế chủ yếu là nông, lâm nghiệp, công nghiệp còn hạn chế, thương mại, dịch vụ chưa phát triển.

Định hướng phát triển kinh tế trong giai đoạn tới là đẩy mạnh khai thác và sử dụng hiệu quả đất, rừng. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Hình thành một số vùng tập trung cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su, điều, tiêu, trồng rừng nguyên liệu, phát triển chăn nuôi đại gia súc, tạo vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

Thu hút phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản, chế biến thực phẩm, tinh bột sắn, ngô, sản xuất thức ăn gia súc, xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm và đông lạnh rau quả, thực phẩm; cơ khí sửa chữa máy móc, khai thác chế biến đá. Đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đắk R'Tih và các công trình thủy lợi v.v.

Khuyến khích phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ. Xây dựng chợ Kiến Đức thành nơi trao đổi, mua bán hàng hóa giao dịch trung tâm thương mại của vùng, hình thành thêm một số chợ nông thôn, các cửa hàng mua bán cung ứng các mặt hàng thiết yếu và vật tư đời sống và sản xuất của dân cư trong vùng. Xây dựng chợ cửa khẩu Bu Prăng, thông thương và mở rộng giao lưu hàng hóa, hợp tác kinh tế với các tỉnh của Campuchia.

Nâng cấp và xây dựng mới các công trình y tế, giáo dục, văn hóa, phúc lợi xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao cuộc sống tinh thần cho nhân dân trong vùng.

b) Định hướng phát triển hệ thống đô thị

Đến năm 2020, mạng lưới đô thị của tỉnh bao gồm 11 đô thị, trong đó có 01 thị xã là trung tâm tỉnh lỵ, 02 thị xã trung tâm tiểu vùng và 08 thị trấn.

Trước mắt tập trung đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng thị xã Gia Nghĩa tương xứng với tầm vóc một đô thị tỉnh lỵ - là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh. Đến năm 2015 sẽ nâng cấp thành đô thị loại III và trở thành thành phố thuộc tỉnh trước năm 2020. Xây dựng thị xã Gia Nghĩa có kiến trúc đô thị phù hợp với cảnh quan, văn hóa địa phương, theo mô hình đô thị xanh, sạch, đẹp, văn minh. Dự kiến dân số năm 2015 là 70.000 người, năm 2020 là 110.000 người.

Trên cơ sở phương án chia tách huyện đầu tư mở rộng các thị trấn huyện lỵ đã có là Đắk Mil và Kiến Đức. Phát triển đô thị trở thành các hạt nhân tăng trưởng của các tiểu vùng. Nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho các đô thị đạt tiêu chuẩn loại IV và trở thành các thị xã trong giai đoạn 2015 - 2020 đó là: Đức Lập (trên cơ sở thị trấn Đắk Mil), Kiến Đức (trên có sở thị trấn Kiến Đức). Dự kiến đến năm 2020, quy mô dân số của các đô thị này khoảng 35 - 40 nghìn người.

Hình thành và xây dựng 02 thị trấn mới là Đắk R'la, Đạo Nghĩa là trung tâm huyện lỵ mới của 02 huyện mới được chia tách Đắk Mil và Đắk Rlấp. Hình thành thị trấn Đức Xuyên là huyện lỵ của huyện mới thành lập Đức Xuyên. Dự kiến đến năm 2020, quy mô dân số của các thị trấn này có khoảng 5 - 10 nghìn người và đạt các chỉ tiêu đô thị loại V.

Tiếp tục nâng cấp các thị trấn huyện lỵ hiện có đạt chỉ tiêu đô thị loại V đó là Đức An (Đắk Song), Đắk Mâm (Krông Nô), Quảng Khê (Đắk G'Long), Đạo Nghĩa (Đắk R'lấp), Đắk Buk So (Tuy Đức). Dân số các đô thị khoảng 10 - 15 nghìn người.

III. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp huy động vốn đầu tư

Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2011 - 2020 khoảng 202 nghìn tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 60 nghìn tỷ đồng, 2016 - 2020 khoảng 142 nghìn tỷ đồng; trong đó cơ cấu đầu tư cho công nghiệp và xây dựng khoảng 53,2%, nông, lâm nghiệp 9%, dịch vụ 37,8%. Để huy động được nguồn vốn trên cần triển khai đồng bộ các biện pháp:

- Đối với nguồn vốn từ ngân sách: Tiếp tục khai thác các nguồn vốn từ Trung ương thông qua các chương trình phát triển và các cơ chế chính sách ưu đãi của Chính phủ, các Bộ, ngành để đầu tư xây dựng các công trình thiết yếu, trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Sử dụng có hiệu quả và tăng tỉ lệ tích lũy.

- Đối với khu vực doanh nghiệp, doanh nhân và đầu tư tư nhân và dân cư: Xây dựng cơ chế, chính sách rõ ràng minh bạch để kêu gọi đầu tư. Áp dụng các hình thức đầu tư như: đầu tư - kinh doanh - chuyển giao (BT, BOT), hợp tác Công - Tư (PPP) trong đầu tư phát triển đảm bảo huy động hiệu quả các nguồn vốn từ khu vực tư nhân, tăng cường khả năng hợp tác và tính hiệu quả của các dự án. Có chính sách ưu tiên về thuế để khuyến khích tối đa những doanh nghiệp, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn nông thôn đặc biệt là nông thôn vùng sâu, vùng xa.

- Đối với các nguồn vốn vay: Xây dựng các dự án khả thi, chi tiết, phù hợp để phát triển sản xuất, trên cơ sở tính toán hiệu quả để thu hút các nguồn vốn vay tín dụng. Ưu tiên nguồn vốn này cho các dự án phát triển các ngành mũi nhọn, tạo sản phẩm hàng hóa. Tăng cường sử dụng hiệu quả các nguồn vốn vay.

- Đối với các nguồn vốn bên ngoài (từ Trung ương, tỉnh ngoài và nước ngoài). Quy hoạch phát triển các ngành, các vùng lãnh thổ, lập các dự án khả thi, tạo sự hấp dẫn để thu hút đầu tư bằng các nguồn hỗ trợ Trung ương, từ tỉnh ngoài và đầu tư nước ngoài cùng liên doanh, liên kết phát triển sản xuất nhằm thúc đẩy phát

triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh. Chú trọng nguồn thu từ việc đấu giá quyền sử dụng đất để phát triển kết cấu hạ tầng ở các dự lớn thuộc khu vực đô thị, khu dân cư tập trung

2. Giải pháp về quy hoạch

- Đưa công tác quy hoạch vào nề nếp, trở thành công cụ đắc lực trong quản lý nền kinh tế theo hướng thị trường. Các cấp, các ngành cần nhận thức một cách đầy đủ về công tác quy hoạch và xây dựng kế hoạch.

- Củng cố bổ sung đội ngũ làm công tác quy hoạch ở một số sở, ngành. Triển khai phân cấp công tác lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện và giám sát quy hoạch. Hàng năm, bố trí kinh phí đảm bảo cho nhiệm vụ, lựa chọn những đơn vị tư vấn có đủ năng lực thực hiện các dự án quy hoạch. Thực hiện công tác đầu tư theo quy hoạch, toàn bộ công trình đầu tư xây dựng cơ bản phải được đưa vào quy hoạch, phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn.

3. Đổi mới, sắp xếp và phát triển các thành phần kinh tế

- Ban hành một số chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế như thuê đất, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, những quy định cụ thể về đầu tư - kinh doanh - chuyển giao (BT và BOT), chính sách đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài, vay vốn đầu tư, đào tạo lao động, tìm kiếm thị trường, cung cấp thông tin và các loại công nghệ.

- Giảm hoặc miễn tiền thuê đất đai, thuế hoặc các lệ phí sản xuất, kinh doanh trong những năm hoạt động ban đầu đối với các doanh nghiệp và tư nhân đầu tư phát triển ngành mũi nhọn như công nghiệp chế biến nông, lâm sản, trồng các cây công nghiệp, chăn nuôi bò, mở rộng du lịch, thương mại, dịch vụ. Đặc biệt khuyến khích các dự án đầu tư vào các xã nghèo, các vùng khó khăn.

- Khuyến khích các doanh nghiệp dân doanh phát triển cả về số lượng, chất lượng và sức cạnh tranh, nhất là các hợp tác xã, các doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng nhiều lao động. Có cơ chế linh hoạt trong cấp giấy phép cho một số công trình, dự án đầu tư xây dựng, đơn giản hóa một số thủ tục trong việc cấp giấy phép đầu tư, có chính sách phối hợp, hỗ trợ chủ đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh phù hợp với khả năng đầu tư, quản lý, sử dụng lao động, tổ chức sản xuất kinh doanh và phân phối lợi ích.

- Tạo hành lang pháp lý và cơ chế thuận lợi, môi trường đầu tư thông thoáng mở đường cho phát triển đa dạng các loại hình kinh tế, huy động mọi nguồn nhân lực, vật lực, tài lực, vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh, làm tăng GRDP và tăng nguồn thu đóng góp cho ngân sách, tạo thêm việc làm và thu nhập, cải thiện đời sống người lao động.

4. Chính sách khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường

- Xây dựng chính sách ưu tiên cho ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, dịch vụ. Nâng cao

chất lượng công tác huấn luyện, chuyển giao công nghệ, đưa các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, công nghệ sinh học, các giống cây trồng vật nuôi mới tới các hộ nông dân, đồng bào dân tộc, thực nghiệm áp dụng trực tiếp vào sản xuất kinh doanh và đời sống sinh hoạt hàng ngày.

- Khuyến khích phát triển tài năng, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, bồi dưỡng kiến thức mới, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển mới.

- Gắn phát triển khoa học công nghệ với bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái, đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững.

5. Chính sách phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển cơ sở hạ tầng cho đào tạo nguồn nhân lực. Xây dựng quy chế ưu đãi trong lĩnh vực đào tạo, khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư cho các hoạt động đào tạo, mở các trung tâm đào tạo công nhân kỹ thuật, dạy nghề trên địa bàn tỉnh.

- Đào tạo lực lượng lao động một cách thiết thực phù hợp với định hướng phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Kết hợp đào tạo ngành nghề, đào tạo chuyên môn kỹ thuật, kiến thức quản lý kinh tế với bồi dưỡng nhận thức pháp luật, phẩm chất lao động, đạo đức xã hội để chính những người lao động và những sản phẩm mà họ làm ra có thể hội nhập được với nền kinh tế chung của cả nước, khu vực và thế giới.

- Khuyến khích phát hiện bồi dưỡng tài năng trẻ và nhân tài trong hàng ngũ cán bộ, nhân viên công tác quản lý nhà nước và quản lý kỹ thuật. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo để từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là những người nắm trọng trách điều hành quản lý kinh tế, chính trị, xã hội của tỉnh.

- Thực hiện dân chủ, công khai, công bằng gắn với lợi ích kinh tế, tạo động lực để mọi người lao động phát huy sức lực, trí tuệ cho công việc nhằm đem lại hiệu quả cao cho xã hội, cho cộng đồng và cho mỗi người. Xây dựng cơ chế thu hút nhân lực bên ngoài đóng góp trí tuệ, đầu tư, hợp tác cùng Đắk Nông đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội Tỉnh.

6. Tăng cường hợp tác với các tỉnh và mở rộng thị trường

Tăng cường hợp tác và phối hợp phát triển với các tỉnh, thành phố khác như Đắk Lắk, Lâm Đồng, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đông Nam Bộ, với các tỉnh Duyên hải theo lưu vực sông Ba, với các tỉnh Đông Bắc Campuchia trong Quy hoạch Tam giác phát triển 3 nước nhằm đảm bảo lựa chọn hướng thích hợp với từng ngành, từng tỉnh, tránh được đầu tư tràn lan, chồng chéo, trùng lặp, xác lập sự cân đối giữa cung và cầu, nâng cao hiệu quả đầu tư.

Tăng cường sự phối hợp giữa tỉnh với các Bộ, ngành Trung ương từ khâu nghiên cứu, hình thành dự án, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, tỉnh và

đảm bảo nguồn vốn, phương án cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo môi trường sinh thái và tái định cư là giải pháp cần thiết trong thực hiện quy hoạch thời gian tới.

Quan tâm thị trường nội địa, thị trường nông thôn nhằm kích thích sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong tỉnh, tăng sức mua của dân, đáp ứng kịp thời nhu cầu vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Tăng cường công tác tiếp thị, triển lãm, quảng cáo các mặt hàng có tiềm năng xuất khẩu của tỉnh. Tiếp xúc, tìm hiểu những yêu cầu về chủng loại, về số lượng, chất lượng, giá cả các mặt hàng xuất khẩu để có kế hoạch phát triển phù hợp.

7. Tổ chức và lộ trình thực hiện

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 được phê duyệt sẽ là phương hướng cơ bản, là căn cứ quan trọng để các ngành, các cấp thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình và các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tiến hành sản xuất kinh doanh góp phần thực hiện các mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh thời kỳ 2011 - 2020.

Cần thông báo công khai, quán triệt nội dung quy hoạch này đến tất cả các cơ quan chức năng, các cấp chính quyền, các tổ chức kinh tế - xã hội và toàn dân nhằm tạo sự nhận thức thống nhất, tập trung trí tuệ, năng lực, vận động toàn dân hưởng ứng và tích cực tham gia thực hiện theo các định hướng và mục tiêu quy hoạch đề ra.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội được duyệt sẽ làm cơ sở rà soát kế hoạch 5 năm, hàng năm, các chương trình, dự án cụ thể để đưa vào thực hiện trong các kế hoạch. Trong kế hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội, các cơ quan cần vận dụng tốt các nội dung quy hoạch này vào nhiệm vụ của mình, cần xác định các mục tiêu phát triển phù hợp với quy hoạch tổng thể chung, đồng thời thường xuyên quan tâm rà soát, cập nhật để bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với diễn biến thực tế trên cơ sở phân tích toàn diện, khoa học làm cho quy hoạch ngày càng hoàn thiện và có tính hiện thực cao.

Điều 2. Nội dung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 là cơ sở cho việc triển khai rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành khác), các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh nêu trong Quy hoạch sau khi đã được phê duyệt, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy

hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu để bảo đảm sự phát triển đồng bộ.

2. Lập các kế hoạch 5 năm, hàng năm; các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trọng điểm; các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, bố trí ưu tiên đầu tư một cách hợp lý.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu vấn đề vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 4. Giao các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình hỗ trợ Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông nghiên cứu lập các quy hoạch nói trên; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Nông trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích đầu tư thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh nêu trong Quy hoạch. Đẩy nhanh đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất Vùng và có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh Đắk Nông đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan dự kiến sẽ được đầu tư nêu trong Quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; bãi bỏ Quyết định số 161/2006/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2013 - 2020 CỦA TỈNH ĐẮK NÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1942/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

A	**CÁC DỰ ÁN DO CÁC BỘ, NGÀNH TW ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**
1	Dự án nâng cấp hạ tầng Đô thị Gia Nghĩa đạt tiêu chuẩn đô thị loại III
2	Dự án xây dựng đường sắt Đắk Nông - Bình Thuận
3	Dự án xây dựng sân bay Nhân Cơ thành sân bay Quốc gia
4	Dự án xây dựng đường sắt Đắk Nông - Bình Phước - Đồng Nai - Vũng Tàu
5	Dự án nâng cấp Quốc lộ 14 (đoạn đi qua địa bàn tỉnh Đắk Nông)
6	Dự án nâng cấp Quốc lộ 14C (đoạn đi qua địa bàn tỉnh Đắk Nông)
7	Dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 28 (đoạn đi qua địa bàn tỉnh Đắk Nông)
8	Dự án xây dựng lưới điện nông thôn giai đoạn II
9	Các dự án đường điện trung, hạ thế và trạm biến áp phân phối điện
10	Dự án Hỗ trợ kỹ thuật về phát triển nông nghiệp công nghệ cao
11	Dự án khai thác Bô xít luyện Alumin giai đoạn 2011 - 2020
12	Dự án di dời đường dây 500 KV ra ngoài đô thị Gia Nghĩa
B	**CÁC DỰ ÁN DO TỈNH LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**
B1	Nông nghiệp
1	Dự án xây dựng hạ tầng Khu nông nghiệp công nghệ cao
B2	Công nghiệp
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Nhân Cơ
2	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống truyền tải điện 220/110KV
3	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Quảng Đức (huyện Đắk R'Lấp)
B3	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch
1	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm thương mại tỉnh Đắk Nông
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thương mại Khu kinh tế cửa khẩu Đắk Per
3	Dự án đầu tư xây dựng công viên văn hóa giải trí Liêng Nung
4	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu du lịch sinh thái - văn hóa Nâm Nung

5	Dự án đầu tư xây dựng đường ven sông Sêrêpốc từ xã Tâm Thắng đến Cồn Dầu xã Eapô
6	Dự án đầu tư phát triển khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bu Prăng
B4	Các dự án hạ tầng kỹ thuật (giao thông, đô thị, cấp điện, cấp nước, thủy lợi)
1	Dự án đầu tư xây dựng đường Đắk Song - Đắk Nang
2	Dự án đầu tư xây dựng đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê
3	Dự án nâng cấp nhựa hóa các tuyến đường huyện
4	Dự án đầu tư xây dựng đường tránh thị xã Gia Nghĩa
5	Dự án đầu tư xây dựng đường vận hành khai thác khoáng sản
6	Dự án đầu tư xây dựng bến xe liên tỉnh
7	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các đô thị: Cư Jút, Gia Nghĩa, Đắk Mil, Đắk Rlấp
8	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các thị trấn mới: Đắk Rla, Đạo Nghĩa, Đức Xuyên
9	Dự án nâng cấp các thị trấn huyện lỵ: Đức An, Đắk Mâm, Quảng Khê, Đắk Buk So đạt chỉ tiêu đô thị loại V
10	Dự án nâng cấp hạ tầng thủy lợi các huyện
11	Dự án đầu tư xây dựng cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa
12	Các dự án đầu tư xây dựng xử lý nước thải đối với các đô thị loại 4 trở lên (Gia Nghĩa, Đắk Mil, Kiến Đức)
13	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông Quảng Tâm - Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông
14	Dự án hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng, ổn định chỗ ở cán bộ công chức tại Đắk Nông
15	Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai biên giới phục vụ an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội Đắk Lao - Đức Mạnh huyện Đắk Mil
16	Dự án đầu tư xây dựng đường đi cửa khẩu Bu Prăng (đoạn từ quốc lộ 14 - Tỉnh lộ 1 đến quốc lộ 14 C)
17	Các dự án xây dựng trụ sở các cơ quan hành chính, sự nghiệp của tỉnh, huyện
18	Các dự án xây dựng hoàn thiện các thiết chế văn hóa thể thao tỉnh, huyện
19	Các dự án về quân sự, an ninh, quốc phòng
20	Các dự án ổn định dân di cư tự do
21	Các dự án kiên cố hóa trường lớp học, nhà công vụ cho giáo viên

22	Các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu
23	Dự án đầu tư xây dựng ổn định dân cư giai đoạn II tại xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức
B5	Các dự án hạ tầng xã hội (Y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao)
	Y tế
1	Dự án nâng cấp bệnh viện Đa khoa tỉnh giai đoạn II (quy mô 500 giường)
2	Dự án hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn II
3	Dự án đầu tư xây dựng và nâng cấp các Trung tâm y tế tuyến tỉnh
4	Dự án đầu tư xây dựng hoàn thành các bệnh viện đa khoa tuyến huyện
5	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện y học cổ truyền
6	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm kỹ thuật phát thanh và truyền hình tỉnh Đắk Nông
	Giáo dục
1	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp trường trung cấp nghề Đắk Nông lên Cao đẳng
2	Dự án đầu tư xây dựng thành lập trường Cao đẳng Cộng đồng
3	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm đào tạo ngoại ngữ
	Văn hóa, thể thao
1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thể thao tỉnh Đắk Nông
2	Dự án xây dựng hoàn thiện Cụm tượng đài danh nhân lịch sử Nơ Trang Lơng tỉnh Đắk Nông
3	Dự án xây dựng hoàn thiện Trung tâm văn hóa tỉnh
4	Dự án xây dựng hoàn thiện Khu liên hợp thể thao tỉnh Đắk Nông
C	**CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI THU HÚT ĐẦU TƯ**
C1	Kết cấu hạ tầng
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Đắk Song
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung tổ dân phố 3, thị trấn Eatlinh, huyện Cư Jút
3	Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư số 6, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị khu dân cư tổ dân phố 5, phường Nghĩa Phú, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông
5	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Krông Nô

6	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Đắk R'La
7	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Quảng Khê
8	Các dự án về hỗ trợ hạ tầng nhà ở xã hội
9	Các dự án xã hội hóa các lĩnh vực Văn hóa - Thể dục thể thao - Y tế - Giáo dục
C2	Nông, lâm nghiệp
1	Thu hút vào Khu nông nghiệp công nghệ cao: Dự án đầu tư xây dựng thành lập mới, mở rộng nâng cấp cơ sở sản xuất giống cây trồng ứng dụng công nghệ cao trong chọn tạo, lai ghép, nuôi cấy, nhân giống để tạo ra những vườn cây đầu dòng và giống có chất lượng tốt phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp
2	Thu hút vào Khu nông nghiệp công nghệ cao: Dự án đầu tư xây dựng sản xuất giống vật nuôi, giống thủy hải sản có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao
3	Dự án đầu tư xây dựng cánh đồng mẫu lớn (sản xuất và chế biến lương thực chất lượng cao) tại huyện Krông Nô
4	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc và gia cầm tại các huyện và thị xã trên địa bàn toàn tỉnh
5	Chương trình tái canh cây cà phê
6	Các dự án quản lý, phát triển và bảo vệ rừng bền vững
C3	Công nghiệp
1	Các dự án chế biến thức ăn gia súc
2	Các dự án sản xuất phân bón hóa học, phân vi sinh
3	Các dự án cơ khí chế tạo, sửa chữa thiết bị công nông nghiệp
4	Các dự án chế biến cà phê thành phẩm (cà phê bột, cà phê hòa tan)
5	Các nhà máy giết mổ, chế biến súc sản
6	Các dự án khai thác và chế biến đá Bazan cây, cột
7	Các dự án cơ khí phục vụ ngành công nghiệp khai thác bauxite
8	Các dự án công nghiệp phụ trợ bauxite
9	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy luyện nhôm
10	Các dự án về sản xuất, chế biến sản phẩm nông, lâm nghiệp

C4	Các dự án về thương mại dịch vụ, du lịch
	Thương mại
1	Dự án Trung tâm thương mại thị trấn Kiến Đức
2	Dự án Trung tâm thương mại thị trấn EaTlinh
3	Dự án Trung tâm thương mại tại thị xã Gia Nghĩa
	Dịch vụ
1	Các dự án phát triển dịch vụ tài chính ngân hàng
	Du lịch
1	Dự án Khu du lịch sinh thái văn hóa núi Nâm Nung (gồm nhiều hạng mục)
2	Dự án Khu du lịch sinh thái dọc bờ sông Sêrêpôk (gồm nhiều hạng mục)
3	Dự án Khu du lịch sinh thái văn hóa Tà Đùng (gồm nhiều hạng mục)
4	Dự án Khu du lịch sinh thái Đắk Glun
5	Dự án Tôn tạo di tích kháng chiến B4 - Liên tỉnh IV
6	Dự án Điểm du lịch hồ Đắk R'Tih
7	Dự án Điểm du lịch hồ Đồng Nai 3 - 4
8	Dự án khai thác cảnh quan sinh thái (hồ, thác, rừng…) kết hợp kinh doanh du lịch, dịch vụ

**** Ghi chú:*** *Vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên, sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng giai đoạn.*